

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-6-2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Thái Chí Bình.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Bà Phạm Thùy Trang;
 2. Ông Lưu Văn Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Quang D, sinh năm 1980; địa chỉ: số G, đường N, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P trình bày, qua mai mối, bà P và ông Đặng Quang D kết hôn vào năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà P, ông D có sinh một con chung tên Đặng Hoàng Gia H, sinh ngày 30/12/2022. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên

cải vã do bất đồng quan điểm sống, tính tính không phù hợp. Bà P và ông D không còn chung sống từ cuối năm 2023 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông D; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Hoàng Gia H, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy khai sinh số 18/2023, ngày 12/01/2023 do Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T cấp đối với Đặng Hoàng Gia H (bản sao).

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Quang D trình bày, thông nhất với ý kiến của bà P về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, việc không đăng ký kết hôn, về con chung, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm vợ chồng không còn chung sống.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông D chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P; chấp nhận để bà P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Hoàng Gia H, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà P và ông D chung sống như vợ chồng từ năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà P, ông D là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận ý kiến của bà P, ông D, giao cháu H cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng; ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, bà P, ông D không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, không công nhận bà P, ông D là vợ chồng; công nhận sự thỏa thuận của bà P, ông D về việc bà P được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; buộc bà P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Mỹ P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Quang D. Đồng thời, ông D cư trú trên địa bàn thị xã T. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Quang D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Mỹ P, ông Đặng Quang D thống nhất khai, qua mai mối, bà P và ông D chung sống vào năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo Công văn số 505/UBND-HT ngày 05/6/2025 của Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, Ủy ban nhân dân phường L cung cấp thông tin, qua tra cứu sổ bộ lưu kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của ông D với người khác.

Xét, bà P và ông D chung sống với nhau vào năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà P và ông D là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà P, ông D thống nhất xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Đặng Hoàng Gia H, sinh ngày 30/12/2022. Bà P, ông D thống nhất bà P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu H phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà P, ông

D, giao cháu H cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo các Điều 15, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P, ông D xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Mỹ P và ông Đặng Quang D là vợ chồng.

2. Về con chung:

Bà Trần Thị Mỹ P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Hoàng Gia H, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2022. Ông Đặng Quang D không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trần Thị Mỹ P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đặng Quang D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013570 do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 22 tháng 5 năm 2025; bà Trần Thị Mỹ P đã nộp đủ án phí.

Ông Đặng Quang D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Mỹ P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Đặng Quang D được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình